

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC KẠN
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 18/8/2022

V/v tranh chấp: “Xin ly hôn,
nuôi con chung khi ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC KẠN, TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tạ Văn Tư

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vũ Thị Kim Quỳnh;

2. Ông Nông Hữu Thái.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Lộc - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn tham gia phiên tòa:* Bà Bàn Thị Tiên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 8 năm 2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn xét xử công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 109/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2022 về tranh chấp “Xin ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/QĐST-HNGĐ ngày 01/8/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Hà Thị Kiều T** sinh năm 1989; Trú tại: thôn K, xã N, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn;

Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh **Đình Duy Đ** sinh năm 1987; Trú tại: Tổ A, phường X, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn.

Vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, chị Hà Thị Kiều T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Đình Duy Đ trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường X, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn vào ngày 28/4/2017. Quá trình chung sống thời gian đầu hòa thuận, hạnh phúc, từ năm 2019 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do vợ chồng không hợp tính tình, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được và vợ chồng chị đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay, trong thời gian sống ly thân tình cảm vợ chồng không hàn gắn được, không còn quan tâm đến nhau nữa, hiện nay anh Đ đi đâu làm gì chị cũng không quan tâm và chị cũng không còn tình cảm,

lòng tin, tình yêu với anh Đ nữa nên chị kiên quyết xin được ly hôn anh Đinh Duy Đ.

- Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung tên là Đinh Hà L sinh ngày 13/11/2017, con chung khỏe mạnh và phát triển bình thường. Khi ly hôn nguyện vọng của chị là sẽ được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung đến khi đủ 18 tuổi và chị không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung:

+ Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết;

+ Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Bị đơn anh Đinh Duy Đ:* Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án nhưng anh Đ không có ý kiến bằng văn bản nêu quan điểm của mình đối với yêu cầu xin ly hôn của chị T. Tòa án cũng đã gửi Giấy triệu tập, yêu cầu anh Đ đến Tòa án làm việc, tuy nhiên anh Đ không có mặt tại Tòa án để làm việc. Đồng thời, Tòa án đã tiến hành thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh Đ nhưng do anh Đ vắng mặt nên Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt anh Đ và không hòa giải vụ án được.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu trình tự, thủ tục tố tụng:

- Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đã đảm bảo đúng quy định. Bị đơn mặc dù đã được Tòa án thực hiện việc niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình Tòa án mở phiên tòa để xét xử, nguyên đơn vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 theo đúng quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Do vậy đề nghị HĐXX căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt theo luật định.

- Về nội dung: Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Hà Thị Kiều T là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị T. Chị Hà Thị Kiều T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Hà Thị Kiều T có đơn đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn giải quyết vụ án xin ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.

Quá trình giải quyết vụ án, chị T có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án được là phù hợp theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 208 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bị đơn mặc dù đã được Tòa án thực hiện việc niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình Tòa án mở phiên tòa để xét xử, mặc dù bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 theo đúng quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử theo luật định.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị Kiều T và anh Đinh Duy Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường X, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn vào ngày 28/4/2017. Đây là hôn nhân tự nguyện, không vi phạm các điều cấm kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, hôn nhân của chị T và anh Đ là hợp pháp.

Quá trình chung sống thời gian đầu hòa thuận, hạnh phúc, từ năm 2019 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do vợ chồng không hợp tính tình, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay, trong thời gian sống ly thân tình cảm vợ chồng không hàn gắn được, không còn quan tâm đến nhau nữa, hiện nay anh Đ đi đâu làm gì chị T cũng không quan tâm và cũng không còn tình cảm, lòng tin, tình yêu với anh Đ nữa.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh Đ để tiến hành hòa giải nhằm hàn gắn tình cảm nhưng anh Đ vẫn vắng mặt không lý do, điều đó cho thấy anh Đ không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Qua xác minh tại gia đình và địa phương về tình trạng hôn nhân, cuộc sống vợ chồng giữa chị T và anh Đ cho thấy: Cuộc sống hôn nhân giữa anh Đ và chị T thời gian đầu hạnh phúc, nhưng về sau có xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn chủ yếu do vợ chồng bất đồng quan điểm, nên không còn quan tâm đến nhau nữa, chị T đã bỏ về nhà cha mẹ để sinh sống từ năm 2019 và vợ chồng đã sống ly thân, không còn liên lạc và bỏ mặc nhau trong cuộc sống, anh Đ cũng không có biện pháp gì để cải thiện quan hệ vợ chồng. Điều đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh Đ đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

[3] Về con chung: Vợ chồng chị T và anh Đ có 01 con chung tên là Đinh Hà L sinh ngày 13/11/2017, con chung khỏe mạnh và phát triển bình thường. Từ khi ly thân đến nay, cháu L sống trực tiếp với chị T; khi ly hôn, chị T có nguyện vọng tiếp tục được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung vì hiện nay anh Đ không thường xuyên có mặt tại nơi cư trú, đang sinh sống ở đâu, làm gì cũng không cho chị biết. Xét thấy, con chung còn nhỏ, đang sống ổn định với chị T, cháu phát triển tốt cả về thể chất lẫn tinh thần; mặt khác,

hiện nay thu nhập của chị T là 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng)/tháng. Do đó cần tiếp tục giao con chung cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp.

[4]. Về yêu cầu cấp dưỡng: Chị T không yêu cầu nên không xét.

[5]. Về tài sản chung và nợ chung:

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp nhận định của HĐXX nên cần được chấp nhận.

[7] Về án phí: Chị Hà Thị Kiều T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Hà Thị Kiều T đối với anh Đinh Duy Đ. Chị Hà Thị Kiều T được ly hôn với anh Đinh Duy Đ.

2. Về con chung: Giao con chung tên là Đinh Hà L sinh ngày 13/11/2017, con chung khỏe mạnh và phát triển bình thường cho chị Hà Thị Kiều T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về cấp dưỡng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Chị Hà Thị Kiều T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0002127 ngày 10/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Kạn. Chị Hà Thị Kiều T nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Hà Thị Kiều T và anh Đinh Duy Đ có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND TP Bắc Kạn;
- Chi cục THADS TP Bắc Kạn;
- UBND phường X, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu VT.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Tạ Văn Tư